TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-PT
Ngày 28 – 9 - 2017
V/v yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng;

Các Thẩm phán: Bà Chu Lệ Hường;

Ông Chu Thế Vương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Sơn Lâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2017/TLPT-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2017 về yêu cầu chia tài sản chung sau ly hôn

Do bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2017/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh Y; Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phan Kế H – Luật sư văn phòng luật sư A, Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Kim N; Địa chỉ: Đường V, tổ C, khối H, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Lê Quỳnh Phương M và chị Lê Quỳnh Phương K, sinh ngày 03/10/1998. Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Lê Quỳnh Phương M và chị Lê Quỳnh Phương K là chị Nguyễn Thị Minh Y; Địa chỉ: Tổ B, phường H, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Minh Y – là nguyên đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và các tài liệu, chứng cứ khác thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Lê Kim N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, đến ngày 13/7/1998 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình chung sống, theo Chị Nguyễn Thị Minh Y vợ chồng anh chị có tạo lập được khối tài sản chung là ngôi nhà và đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 57, bản đồ địa chính phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Sau một thời gian chung sống, do nảy sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được, vì vậy năm 2013 anh chị đã làm thủ tục ly hôn, tại bản án số 11/2013/HNGĐ-PT ngày 18/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn đã giải quyết xong quan hệ về hôn nhân và con chung giữa chị và anh Lê Kim N. Riêng quan hệ về tài sản chưa giải quyết do anh, chị chưa yêu cầu. Nay chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết chia đôi khối tài sản chung giữa chị và anh Lê Kim N là ngôi nhà và đất tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 57, bản đồ địa chính phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị đề nghị được chia diện tích đất có chiều dài là 15m tính từ thửa đất số 92 của ông Hoàng K trở vào. Chị đề nghị Tòa án sử dụng kết quả định giá tài sản năm 2013 để giải quyết với kết quả định giá nhà đất lúc đó là 2.200.000.000 đồng.

Anh Lê Kim N thừa nhận quá trình chung sống và đi đến kết hôn như chị Nguyễn Thị Minh Y trình bày. Riêng về tài sản anh không nhất trí với ý kiến của chị Nguyễn Thị Minh Y cho rằng nhà đất là tài sản chung được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân, vì cơ bản nhà đất là do công sức của anh tạo dựng nên. Anh chỉ đồng ý chia đất cho chị Nguyễn Thị Minh Y với chiều dài mảnh đất từ 10m đến 12m tính từ thửa đất số 92 của ông Hoàng K kéo vào. Nếu Chị Nguyễn Thị Minh Y không yêu cầu chia đất mà chỉ yêu cầu anh thanh toán trị giá đất thì anh nhất trí thanh toán cho chị Nguyễn Thị Minh Y 700.000.000 đồng. Anh nhất trí lấy kết quả định giá tài sản năm 2013 để giải quyết. Theo anh nhớ kết quả định giá tài sản năm 2013 thì giá trị nhà đất là 2.200.000.000 đồng.

Với nội dung vụ án như trên tại bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

Áp dụng Điều 33, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 7 Thông tư 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 và khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH 12 ngày 27/02/2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá 12 về án phí, lệ phí Toà án; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Y.

Anh Lê Kim N được quyền quản lý và sử dụng diện tích đất tranh chấp (1079m^2 đất): Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 57, bản đồ địa chính phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Thửa đất này đã được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01297QSDĐ/348/2002/QĐ-UBND (H) ngày 21/8/2002 đứng tên hộ chị Nguyễn Thị Minh Y. Địa chỉ khu đất: Khu N, Khối Đ, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Khu đất có vị trí tiếp giáp như sau:

Phía Bắc giáp thửa đất số 77 và lưu không đường (thửa số 89).

Phía Nam giáp thửa đất số 92 (ông Hoàng K)

Phái Đông giáp lưu không đường C (thửa 89).

Phía Tây giáp thửa đất số 81, 84, 88.

Anh Lê Kim N phải có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Minh Y số tiền là 1.100.000.000 đồng (một tỷ một trăm triệu đồng) tương đương với giá trị một nửa diện tích đất tranh chấp.

2. Về án phí: Anh Lê Kim N phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước.

Chị Nguyễn Thị Minh Y phải chịu 45.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung quỹ Nhà nước. Chị Nguyễn Thị Minh Y đã nộp 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2012/0896, ngày 09/3/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Nguyễn Thị Minh Y còn phải nộp 25.000.000đồng tiền án phí.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và thi hành án.

Ngày 01/6/2017 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh Y có đơn kháng cáo và ngày 14/6/2017 có đơn kháng cáo bổ sung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chia khối tài sản chung bằng hiện vật.

Ngày 16/6/2017 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn có Quyết định kháng nghị số 32/2017/KNPT-DS kháng nghị đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xử hủy bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2017 của Toà án nhân dân thành phố L, tỉnh Lạng Sơn do đã có vi phạm về việc thẩm định, thu thập chứng cứ, định giá tài sản và đã chia tài sản chung theo giá trị là không đảm bảo quyền lợi của các đương sự và chưa phù hợp với các quy định của pháp luật.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm ngày 18/9/2017 TAND tỉnh Lạng Sơn đã ra quyết định trưng cầu định giá và tiến hành xem xét tại chỗ, kết quả xác định được diện tích thửa đất 86 là 1074 m^2 đã trừ phần diện tích nhà nước sử dụng làm cống, kết quả định giá: Tài sản trên đất 182.765.000đ; giá đất

theo quy định của Nhà nước 64.000đ/m^2x1074m^2= 68.700.000đ; giá theo thị trường 5.000.000đ/m^2 x 1074 m^2 = 5.370.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, cụ thể anh Lê Kim N và chị Nguyễn Thị Minh Y thỏa thuận mỗi người sử dụng ½ diện tích thửa đất số 86 tờ bản đồ số 57; Anh Lê Kim N quản lý, sử dụng ½ diện tích đất phần có tài sản trên đất, chị Nguyễn Thị Minh Y đồng ý cho anh Lê Kim N được sở hữu ngôi nhà và các công trình phụ trên đất; chị Nguyễn Thị Minh Y quản lý và sử dụng ½ diện tích đất phần giáp thửa đất ông Hoàng K.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh: Trong quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm người tham gia tố tụng, người tiến hành tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng tại cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Trong thời gian chuẩn bị xét xử cấp phúc thẩm đã khắc phục vi phạm về việc thẩm định, thu thập chứng cứ, định giá tài sản của cấp sơ thẩm, các đương sự đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự, căn cứ khoản 1 Điều 300 BLTTDS sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Lê Kim N và chị Nguyễn Thị Minh Y đều thừa nhận chung sống với nhau năm 1996 đến năm 1998 đăng ký kết hôn, sau kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013 phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn. Quá trình chung sống năm 2001 anh chị nhận chuyển nhượng thửa đất số 86, tờ bản đồ số 57, bản đồ địa chính phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn diện tích 1074 m^2 với anh Nông Văn L, sau khi nhận chuyển nhượng anh chị thống nhất đồng ý để chị đứng tên đăng ký kê khai cấp quyền sử dụng đất như vậy có cơ sở xác định diện tích 1074 m^2 đất nêu trên là tài sản chung của anh chị. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm xác định 1074 m^2 thửa số 86, tờ bản đồ số 57 là tài sản chung vợ chồng, là có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Xét kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh Y và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh về việc chia tài sản thấy, kết quả xem xét đo đạc tại chỗ thì thửa đất 86 tờ bản đồ số 57 trên đất có nhà, diện tích đất rộng hiện trạng là đất nông nghiệp, trong quy hoạch là khu dân cư có thể chia được bằng hiện vật. tòa án cấp sơ thẩm chia anh Lê Kim N và chị Nguyễn Thị Minh Y mỗi người ½ diện tích đất nhưng lại giao cho anh Lê Kim N quản lý tài sản và thanh toán giá trị tài sản bằng tiền cho chị Nguyễn Thị Minh Y là không phù hợp theo quy định

tại khoản 3 Điều 59, Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy kháng cáo của chị Nguyễn Thị Minh Y và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Lê Kim N và chị Nguyễn Thị Minh Y thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Xét thấy việc thỏa thuận của đương sự là tự nguyện không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự sửa án sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị Minh Y được quản lý sử dụng 537,3m^2 đất thửa 86 tờ bản đồ số 57 tiếp giáp thửa đất số 92 của ông Hoàng K; anh Lê Kim N được quản lý sử dụng 537,3m^2 đất thửa 86 tờ bản đồ số 57 tiếp giáp về phía thửa đất số 77 và sở hữu tài sản trên đất là ngôi nhà và các công trình phụ có trên đất trị giá 182.765.000đ.

[3] Về án phí: Tại thời điểm xét xử sơ thẩm các đương sự thỏa thuận giá đất là 2.200.000đ/m^2, anh Lê Kim N nhận hiện vật và thanh toán giá trị tương ứng với phần tài sản được chia cho chị Nguyễn Thị Minh Y, tại cấp phúc thẩm các đương sự thỏa thuận chia tài sản bằng hiện vật, tại cấp phúc thẩm giá đất Nhà nước quy định thấp hơn so với giá các đương sự thỏa thuận, vì vậy nên chấp nhận giá các đương sự thỏa thuận, là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư liên tịch số 02/2014/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BTC ngày 28/3/2014. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch tương ứng với giá trị phần tài sản được chia, cụ thể: Chị Nguyễn Thị Minh Y được chia tài sản có giá trị: 537,3 m^2 x 2.200.000đ = 1.182.060.000đ phải chịu án phí 47.461.000đ; anh Lê Kim N được chia tài sản: Đất 1.182.060.000đ + 182.765.000đ (nhà + công trình khác trên đất) = 1.364.825.000đ phải chịu án phí 52.944.750đ. Do sửa án sơ thẩm chị Nguyễn Thị Minh Y không phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tại cấp phúc thẩm chị Nguyễn Thị Minh Y thỏa thuận tự nguyện chịu.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 300; khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 33; khoản 1 Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân gia đình; Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí tòa án

1. Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Minh Y và anh Lê Kim N về việc chia tài sản chung, sửa án sơ thẩm, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Minh Y được quản lý, sử dụng diện tích 537,3m^2 đất tại thửa 86, tờ bản đồ số 57 bản đồ địa chính phường C có các cạnh tiếp giáp: Nam tiếp giáp thửa 92; Bắc tiếp giáp phần đất anh Lê Kim N được quản lý, sử dụng; Đông tiếp giáp đất lưu không đường C thửa 89; Tây tiếp giáp các thửa

88, 84 có các điểm mốc M9,M8,M7,M5,M11,M10 (có mảnh trích đo ngày 18/9/2017 kèm theo).

Anh Lê Kim N được quản lý, sử dụng diện tích 537,3m^2 đất tại thửa 86, tờ bản đồ số 57 bản đồ địa chính phường C có các cạnh tiếp giáp: Nam tiếp giáp phần đất chị N được quản lý, sử dụng; Bắc tiếp giáp đất lưu không thửa 89 và thửa số 77 của bà B ông Đ; Tây tiếp giáp thửa 81, 85, 84; Đông tiếp giáp đất lưu không đường C thửa 89, có các điểm mốc M11, M5,M4, M2,M1,M12 (có mảnh trích đo ngày 18/9/2017 kèm theo).

2. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Minh Y tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chố và định giá tại cấp phúc thẩm 8.400.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng chị Nguyễn Thị Minh Y đã nộp.

3. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch chị Nguyễn Thị Minh Y phải chịu 47.461.000đ tiền (bốn mươi bẩy triệu bốn trăm sáu mươi mốt ngàn đồng chẵn); anh Lê Kim N phải chịu 52.944.000đ (năm mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn ngàn đồng chẵn).

Chị Nguyễn Thị Minh Y không phải chịu mán phí phúc thẩm, hoàn trả cho chị Nguyễn Thị Minh Y 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai số AA/2012/03211 ngày 15/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố L.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (28/9/2017).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND thành phố L;
- Chi cục THADS thành phố L;
- Các đương sự;
- UBND phường C;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lương Thị Hồng